Ngày soạn: 12/10/2018 Tiết 17

Ngày dạy: 16/10/2018 7ABC

**Bài 17: MỘT SỐ GIUN ĐỐT KHÁC**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức***

**-** Hiểu được đặc điểm cấu tạo và lối sống của 1 số loài giun đốt thường gặp như: giun đỏ, đỉa, rươi

- Nhận biết vai trò thực tiễn của chúng

***2. Kỹ năng :***

- Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích.

- Rèn kĩ năng hoạt động nhóm.

\* Kĩ năng sống:

- Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin.

- Kĩ năng hợp tác, lắng nghe tích cực.

- Kĩ năng tự tin khi trình bày suy nghĩ trước tổ, nhóm.

- Kĩ năng chia sẻ thông tin trong khi thảo luận.

- Phân tích đối chiếu, khái quát để phân biệt được đại diện của ngành giun đốt.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục ý thức bảo vệ động vật.

\* Tích hợp gáo dục đạo đức:

- Học sinh có trách nhiệm khi đánh giá về tầm quan trọng của mỗi loài động vật, yêu quý thiên nhiên, sống hạnh phúc, sống yêu thương , có trách nhiệm trong bảo tồn các loài động vật quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng.

\*GDMT: Từ vai trò của giun đốt giáo dục ý thức bảo vệ động vật có ích

***4. Năng lực hướng tới:***

4.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự học

- Năng lực tư duy, sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp.

- Năng lực hợp tác

- Năng lực sử dụng CNTT

4.2 Năng lực chuyên biệt

- Năng lực nghiên cứu khoa học: dự đoán, quan sát, thu thập, xử lí kết quả, đưa ra kết luận.

- Năng lực kiến thức sinh học: kiến thức về hình thái giải phẫu một số giun đốt.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ bộ môn.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

***1. Giáo viên***

- Tranh vẽ: Giun đỏ, đỉa, rươi

- Máy chiếu, máy tính.

***2. Học sinh***

- Học bài và làm bài đầy đủ, vở bài tập

**III. PHƯƠNG PHÁP- KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**-** Phương pháp dạy học: Trực quan**,** vấn đáp tìm tòi, dạy học theo nhóm.

- Kĩ thuật dạy học: kĩ thuật chia nhóm, kĩ thuật giao nhiệm vụ, kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật sơ đồ tư duy.

**IV. TIẾN TRÌNH GIỜ DẠY GIÁO DỤC**

**1. Ổn định lớp: (1phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ:( 2phút)**

- Thu bài thu hoạch cá nhân

**3. Các hoạt động dạy-học**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu một số giun đốt thường gặp**

*a,Mục tiêu*: Thông qua các đại diện , HS thấy được sự đa dạng của giun đốt.

*b, Hình thức tổ chức:* dạy học tình huống

*c, Thời gian: 22 phút*

*d, Phương pháp-kĩ thuật dạy học:*

**-** Phương pháp dạy học: Trực quan**,** vấn đáp tìm tòi, dạy học theo nhóm.

- Kĩ thuật dạy học: kĩ thuật chia nhóm, kĩ thuật giao nhiệm vụ, kĩ thuật đặt câu hỏi, sơ đồ tư duy.

*e, Cách thức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - **GV** chiếu tranh vàcho HS quan sát tranh hình vẽ giun đỏ, rươi, róm biển.*Yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 59, trao đổi nhóm hoàn thành bảng 1.*- Cá nhân HS tự quan sát tranh hình, đọc thông tin SGK, ghi nhớ kiến thức, trao đổi nhóm, thống nhất ý kiến và hoàn thành nội dung bảng 1.- **GV** gọi nhiều nhóm lên chữa bài trình bày dưới sơ đồ tư duy.- Nhóm khác bổ sung- **GV** ghi ý kiến bổ sung của từng nội dung để HS tiện theo dõi.- **GV** thông báo các nội dung đúng và cho HS theo dõi bảng chuẩn kiến thức. | **I. Một số giun đốt thường gặp** |

***Bảng 1: Đa dạng của ngành giun đốt***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** |  **Đa dạng****Đại diện** | **Môi trường sống** | **Lối sống** | **Đặc điểm khác** | **Vai trò** |
| 1 | Giun đỏ | *Cống rãnh, nước ngọt* | *Định cư* | *Đầu cắm xuống bùn. Thân phân đốt với các mang tơ dài, luôn uốn sóng để hô hấp* | *Khai thác để nuôi cá cảnh* |
| 2 | Đỉa | *- Nước ngọt, mặn, nước lợ.* | *- Kí sinh ngoài.* | *Ống tiêu hóa phát triển thành giác bám, nhiều ruột tịt. Bơi lượn sóng.* | *Hút máu từ vật chủ* |
| 3 | Rươi | *- Nước lợ.* | *- Tự do.* | *Cơ thể phân đốt,chi bên có tơ phát triển. Đầu có mắt, khứu giác và xúc giác.* | *Cung cấp thức ăn cho cá và người* |
| 4 | Vắt | *- Đất, lá cây.* | *- Tự do.* | *Có giác bám bám ở đầu và đuôi, có thể hút máu lớn gấp 10 lần trọng lượng cơ thể* | *Hút máu từ vật chủ* |
| 5 | Róm biển | *- Nước mặn.* | *- Tự do.* | *Cơ thể dài 12cm, có màu xanh nâu. Đầu có mắt, khứu giác có các tua xúc giác mảnh* | *Làm thức ăn cho đông vật* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - **GV** yêu cầu HS:? *Rút ra kết luận về sự đa dạng của giun đốt về số loài, lối sống, môi trường sống?***?** *Đặc điểm cấu tạo thích nghi với lối kí sinh ngoài của đỉa là gì?* | - Giun đốt có nhiều loài: vắt, đỉa, róm biển, giun đỏ.- Sống ở các môi trường: đất ẩm, nước, lá cây.- Giun đốt có thể sống tự do, định cư hay chui rúc. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu vai trò giun đốt**

*a,Mục tiêu*: Đưa ra được các vai trò của giun đất đối với nông nghiệp.

*b, Hình thức tổ chức:* dạy học tình huống

*c, Thời gian:* 12 phút

*d, Phương pháp-kĩ thuật dạy học:*

**-** Phương pháp dạy học: Trực quan**,** vấn đáp tìm tòi, dạy học theo nhóm.

- Kĩ thuật dạy học: kĩ thuật chia nhóm, kĩ thuật giao nhiệm vụ, kĩ thuật đặt câu hỏi.

*e, Cách thức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập trong SGK trang 61.+ Làm thức ăn cho người...+ Làm thức ăn cho động vật...*? Giun đất có lợi ích gì?Người ta tiến hành nuôi Giun đất như thế nào?****\* GDƯPBĐKH+ GDBVMT+ Giáo dục đạo đức:****? Hãy nêu vai trò của các đại diện giun đốt ?**H:* *? Cần làm gì để bảo vệ các loài giun đốt có ích*?H: Bảo vệ môi trường sống của chúng trong sạch, khai thác có quy hoạch, nuôi các loài có ích, cấm khai thác trái phép các loài giun đốt, tuyên truyền cho mọi người cùng tham gia bảo vệ. | **II.Vai trò thực tiễn:****1. Có ích:** - Làm thức ăn cho người và động vật,- Làm cho đất tơi xốp, thoáng khí, màu mỡ.- Làm thuốc chữa bệnh**2.Tác hại:** - Hút máu người và động vật, gây bệnh.  |

***4. Củng cố(7phút)***

- HS trả lời câu hỏi:

? Vai trò của giun đốt ?

GV cùng hs xây dựng sơ đồ tư duy.

Các loại giun đốt

Giun ®á

Sèng thµnh bói ë cèng r·nh

Th©n ph©n ®èt víi c¸c mang t¬ dµi

®­îc khai th¸c ®Ó nu«i c¸ c¶nh

§Øa

Sống kí sinh ngoài

èng tiªu hãa

Ph¸t triÓn thµnh gi¸c b¸m

Hót m¸u tõ vËt chñ

Giun ®Êt

Sèng trong ®Êt

Cã khoang c¬ thÓ chÝnh thøc. C¬ thÓ chia nhiÒu ®èt

Lµm ®Êt t¬i xèp

R­¬i

Sèng ë n­íc lî

C¬ thÓ ph©n ®èt, chi bªn cã t¬ ph¸t triÓn. §Çu cã m¾t, khøu gi¸c, xóc gi¸c

Lµ thøc ¨n cña c¸ vµ ng­êi

***5. Hướng dẫn học bài ở nhà(1 phút)***

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Làm bài tập 4 trang 61.

- Ôn lại các kiến thức đã học

- Mỗi tổ làm một sơ đồ tư duy hệ thống các ngành Đv đã học ( đại diện, đặc điểm chung cơ thể, vai trò )

**V. RÚT KINH NGHIỆM:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

Ngày soạn: 12/10/2018 Tiết 18

Ngày dạy: 18/10/2018 7A,B 19/10/2018 7C

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức***

**-** Củng cố kiến thức: ngành động vật nguyên sinh, ruột khoang, giun.

- Biết đặc điểm của sinh vật thích nghi với môi trường sống.

***2. Kĩ năng***

- Rèn kĩ năng phân tích, so sánh, tổng hợp kiến thức.

***\* Giáo dục các kĩ năng sống:***

- Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin.

- Kĩ năng hợp tác, lắng nghe tích cực.

- Kĩ năng tự tin khi trình bày suy nghĩ trước tổ, nhóm.

- Kĩ năng chia sẻ thông tin trong khi thảo luận.

***3. Thái độ***

- Yêu thích môn học.

***4.*** ***Định hướng phát triển năng lực***

*4.1 Năng lực chung:*

- Năng lực tự học

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực tư duy, sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp.

*4.2 Năng lực chuyên biệt.*

- Năng lực kiến thức sinh học: kiến thức về ĐVNS, Ruột khoang và các ngành giun.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ bộ môn.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

***1. Giáo viên:***

 - Hệ thống câu hỏi

 - Máy chiếu, máy tính.

***2. Học sinh:*** ôn lại kiến thức cũ

**III. PHƯƠNG PHÁP- KĨ THUẬT DẠY HỌC**

- Phương pháp dạy học: Vấn đáp, dạy học theo nhóm.

- Kĩ thuật dạy học: kĩ thuật chia nhóm, kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật giao nhiệm vụ, kĩ thuật sơ đồ tư duy.

**IV. TIẾN TRÌNH GIỜ DẠY GIÁO DỤC:**

***1.Ổn định lớp( 1 phút):***

***2. Kiểm tra bài cũ*** (15 phút): **Đề kiểm tra 15 phút**

Câu 1( 4,5 điểm): Hãy kể tên một số giun đốt mà em biết? Tại sao nói giun đốt đa dạng về loài, lối sống và môi trường sống?

Câu 2( 5,5 điểm): Vai trò thực tiễn của giun đốt gặp ở địa phương em?

**Đáp án:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| Câu 1: | - Một số giun đốt mà em biết: đỉa, vắt, giun đỏ, sá sùng, rươi, giun đất.-Giun đôt đa dạng :+ Số loài: khoảng trên 9000 loài+ Sống ở các môi trường: đất ẩm, nước, lá cây...+ Giun đốt có thể sống tự do, định cư hay chui rúc. | *2,5**0,5**0,75**0,75* |
| Câu 2 | 1. Lợi ích- Giun đất cày xới đất làm cho đất tơi xốp, có vai trò quan trọng đối với cây trồng và cây cối trong tự nhiên.Chúng còn làm thức ăn tốt cho các loài gia cầm( gà, vịt, ngan, ngỗng)- Một số loài giun đốt biển( giun nhiều tơ, sá sùng...) là thức ăn cho một số động vật nước.- Giun đỏ là thức ăn cho cá cảnh.- Làm thuốc chữa bệnh. 2. Tác hại:- Hút máu người và động vật, gây bệnh: đỉa, vắt. | *1,0**1,0**1,0**1,0**1,5* |

***3. Các hoạt động dạy – học***

**Hoạt động 1: Hệ thống hóa kiến thức**

*a,Mục tiêu*: HS hệ thống được các kiến thức đã học

*b, Hình thức tổ chức:* dạy học tình huống

*c, Thời gian:*20 phút

*d, Phương pháp-kĩ thuật dạy học:*

- Phương pháp dạy học: Vấn đáp, dạy học theo nhóm.

- Kĩ thuật dạy học: kĩ thuật chia nhóm, kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật giao nhiệm vụ, kĩ thuật sơ đồ tư duy.

*e, Cách thức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV yêu cầu các nhóm trình bày BĐTD các kiến thức đã học về các ngành ĐV đã chuẩn bị trước ở nhà trên bảng để HS có thể nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét về ý thức và kết quả của các nhóm.Giáo viên đưa phiếu học tập nhằm hệ thống lại kiến thức cơ bản – Yêu cầu các nhóm học sinh tự tóm tắt kiến thức.HS thảo luận và hoàn thành nội dung giáo viên yêu cầu***GV: chiếu đáp án***  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Đại diện****Đặc điểm** | **Trùng roi xanh** | **Trùng biến hình** |
| **Môi trường sống****Thức ăn** | - Sống mặt nước, ao hồ- Dị dưỡng: vi khuẩn, tảo, mảnh vụn hữu cơ Tự dưỡng: chỗ sáng tự tạo chất hữu cơ | - Vùng nước ngọt, ao hồ- Vi khuẩn, tảo, mảnh vụn hữu cơ |
| **Hình dạng****Cấu tạo** | - Hình thoi- Đơn bào: màng, chất nguyên sinh, nhiều hạt diệp, lục, điểm mắt | - Luôn thay đổi hình dạng- Đơn bào: màng, chất nguyên sinh, nhân |
| **Di chuyển****Bắt mồi****Hình thức dinh dưỡng** | - Bằng roi bơi- Nhờ roi bơi- Dị dưỡng và tự dưỡng | - Bằng chân giả- Chân giả bao vây lấy mồi- Dị dưỡng bằng tiêu hóa nội bào |
| **Bài tiết** **Hô hấp** | - Đơn bào phức tạp hơn- Qua bề mặt cơ thể | - Đơn bào đơn giản- Qua bề mặt cơ thể |
| **Sinh sản** | Vô tính: Phân đôi theo chiều dọc | Vô tính: bằng cách phân đôi |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **Đại diện****Đặc điểm** | **Trùng giày** | **Trùng kiết lị** | **Trùng sốt rét** |
| **Môi trường sống****Thức ăn** | - Váng cống rãnh- vi khuẩn, vụn hữu cơ | - Kí sinh trong thành ruột người và động vật- Hồng cầu trong máu người và động vật | - Kí sinh trong máu người- Hồng cầu trong máu người |
| **Hình dạng****Cấu tạo** | - Cơ thể hình khối, không đối xứng, giống chiếc giày-Đơn bào | - Không có hình dạng cố định- Đơn bào | - Kích thước nhỏ- Đơn bào |
| **Di chuyển****Bắt mồi****Hình thức dinh dưỡng** | - Bằng lông bơi- Nhờ lông bơi dồn vào lỗ miệng- Dị dưỡng | - Không di chuyển- Nuốt hồng cầu- Dị dưỡng | - Không có bộ phận di chuyển- Chui vào hồng cầu- Dị dưỡng  |
| **Bài tiết** **Hô hấp** | - Đơn bào có không bào tiêu hóa- Qua bề mặt cơ thể | - Đơn bào đơn giản- Qua yếm khí | - Đơn bào đơn giản không bào tiêu hóa- Qua màng tế bào |
| **Sinh sản** | - Vô tính: phân đôi theo chiều dọc- Hữu tính: tiếp hợp | - Vô tính: phân nhiều | - Vô tính: phân nhiều |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **Đại diện****Đặc điểm** | **Thủy tức** | **Sứa** | **San hô** |
| **Hình dạng** | Hình trụ | Hình dù | Hình trụ |
| **Vị trí miệng** | Ở trên | Ở dưới | Ở trên |
| **Cách di chuyển**  | Sâu đo, lộn đầu | Co dãn dù | Không di chuyển |
| **Dinh dưỡng** | Dị dưỡng: ăn ĐV | Dị dưỡng: ăn ĐV | Dị dưỡng: ăn ĐV |
| **Cách tự vệ** | Nhờ tế bào gai | Nhờ di chuyển | Chui vào vỏ đá vôi |
| **Kiểu đối xứng** | Tỏa tròn | Tỏa tròn | Tỏa tròn |
| **Lớp tế bào trên thành cơ thể** | 2 lớp | 2 lớp | 2 lớp |
| **Kiểu ruột**  | Hình túi | Hình túi | Hình túi |
| **Lối sống** | Di chuyển đơn độc | Bơi lội đơn độc | tập đoàn |
| **Sinh sản** | Vô tính và hữu tính | Hữu tính | Vô tính |

- GV yêu cầu các nhóm trình bày sơ đồ tư duy tổng kết của gv.

- HS trình bày, các nhóm khác bổ sung.

Một số ngành ĐVKXS

ĐVNS

Lµm thøc ¨n cho c¸c §V, 1 sè kÝ sinh cã h¹i

C¬ thÓ ®¬n bµo, kÝch th­íc hiÓn vi, sinh s¶n v« tÝnh

Trïng roi, trïng sèt rÐt, trïng kiÕt lÞ

Ruét khoang

C¬ thÓ ®èi xøng táa trßn, ruét d¹ng tói, cã tÕ bµo gai ®Ó tù vÖ vµ tÊn công

T¹o c¶nh quan ®éc ®¸o, lµm ®å trang søc, cã ý nghÜa sinh th¸i ®èi víi biÓn …

Thñy tøc, san h«, h¶i quú …

Giun dÑp

Chñ yÕu sèng kÝ sinh, c¸c gi¸c b¸m ph¸t triÓn, ®èi xøng 2 bªn, c¬ thÓ dÑp

Thay ®æi vËt chñ, qua nhiÒu giai ®o¹n Êu trïng, g©y mét sè bÖnh cho vËt nu«i

S¸n l¸ gan, s¸n d©y, s¸n l¸ m¸u

Giun trßn

Lµm vËt chñ gÇy yÕu

Giun ®òa, giun kim

Giun ®èt

Cã khoang c¬ thÓ chÝnh thøc, c¬ thÓ chia ®èt

Lµm ®Êt t¬i xèp, 1 sè cã h¹i

Giun ®Êt, r­¬i, ®Øa, giun ®á

Sống kí sinh ở 1 vật chủ, có lớp vỏ cuticun

**Hoạt đông 2: Bài tập**

*a,Mục tiêu*: HS trình bày được các câu trả lời chính xác, khoa học

*b, Hình thức tổ chức:* dạy học tình huống

*c, Thời gian:* 8 phút

*d, Phương pháp-kĩ thuật dạy học:*

- Phương pháp dạy học: Vấn đáp.

- Kĩ thuật dạy học: kĩ thuật đặt câu hỏi.

*e, Cách thức thực hiện* **:**

GV nêu câu hỏi – HS trả lời – HS khác nhận xét, bổ sung, GV chốt kiến thức.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| *? Dinh dưỡng ở trùng sốt rét và trùng kiết lị giống nhau và khác nhau như thế nào?**? trình bày đặc điểm chung của ngành ruột khoang?**? Vì sao trâu bò nước ta mắc bệnh sán lá gan nhiều?**? Hãy trình bày vòng đời của sán lá gan, giun đũa?**? Hãy đưa ra các biện pháp phòng tránh giun sán kí sinh?**? Trình bày cấu tạo trong của giun đất?**?Đặc điểm cấu tạo ngoài giun đất thích nghi với đời sống* | ***Trả lời:***1. Giống nhau: đều ăn hồng cầu+ Khác nhau: trùng sốt rét chui vào hồng cầu còn trùng kiết lị nuốt hồng cầu2. Ghi nhớ sgk/383.Trâu bò nước ta mắc bệnh sán lá gan nhiều vì tập tục chăn thả tự do ngoài đồng ruộng, ăn phải cỏ có ấu trùng sán lá gan.4. Vòng đời của sán lá gan, giun đũa5. Đề xuất được một số biện pháp- uống thuốc tẩy giun sán định kì- Vệ sinh môi trường- Vệ sinh cá nhân sạch sẽ: rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh …- Thực hiện ăn uống an toàn thực phẩm, không ăn thịt động vật mắc bệnh6. Cấu tạo trong của giun đất |

***4.Củng cố:***

***5. Hướng dẫn về nhà (1 phút)***

- Ôn bài và hoàn thành các phiếu học tập vào vở

- Học bài để giờ sau kiểm tra 45 phút

**V. RÚT KINH NGHIỆM:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................